

NÂNG CAO ĐỊA VỊ NGƯỜI PHỤ NỮ, SỰ CHUYỂN ĐỔI NHU CẦU SINH CON VÀ KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH

ĐOÀN KIM THẮNG*

Trong hệ thống các nhu cầu của hoạt động sống con người, sinh đẻ duy trì nòi giống chiếm vị trí quan trọng. Nhu cầu này mang bản năng sinh học nhưng biến chuyển cùng sự thay đổi địa vị người phụ nữ.

Cùng với sự biến đổi của đời sống kinh tế xã hội, địa vị phụ nữ ngày nay có những thay đổi rõ rệt. Người phụ nữ đã tham gia và có vị trí trong quyết định các công việc gia đình, tham gia các công tác xã hội và trình độ học vấn đã được nâng cao... Tất cả những sự thay đổi đó ảnh hưởng nhất định tới sinh đẻ của người phụ nữ. Những ảnh hưởng này như thế nào? Sự chuyển đổi nhu cầu sinh con của người phụ nữ ra sao. Đó là những vấn đề mà chúng tôi rất quan tâm trong các cuộc điều tra xã hội học ở một vài điểm nông thôn đồng bằng Bắc Bộ và Nam Bộ thời gian gần đây.

Trong xã hội phong kiến, gia đình gia trưởng là một đơn vị kinh tế, phần nhiều mang tính tự túc, tự cấp. Do đó gia đình có những nhu cầu trực tiếp và thiết thực về mặt nhân lực. Cha mẹ nhìn thấy ở con nguồn nhân công cho đơn vị kinh tế gia đình. Do đó con cái, ngoài những giá trị về tình cảm còn có ý nghĩa nhất định về mặt kinh tế.

Bảng 1: Thu nhập gia đình tính theo lao động quy ⁽¹⁾

	Dưới 2 lao động	Từ 2 - 2,5 lao động	Từ 3 lao động trở lên
Thu nhập bình quân thóc/1 người	76,7	83,5	123

Nhu cầu nhân lực trong gia đình lại cao hơn, sau khi có chính sách khoán (hơn 60% số người được hỏi tại một vài điểm ở nông thôn Bắc Bộ cho rằng làm khoán bận nhiều việc hơn trước).

Một kết quả to lớn của cách mạng xã hội chủ nghĩa là bất bình đẳng giữa nam và nữ đã từng bước được xóa bỏ. Hầu hết phụ nữ được tham gia lao động xã hội, tham gia vào các quyết định trong đời sống gia đình và các giao tiếp xã hội. Vị trí và vai

* Cán bộ nghiên cứu Phòng Xã hội học Dân số và Gia đình, Viện Xã hội học

⁽¹⁾ Xem Vũ Mạnh Lợi: “Từ chuẩn mực số con đến số con thực tế” “Tình yêu - Hôn nhân - Gia đình trong xã hội ta” - Viện Xã hội học - 1985. Trang 227.

trò của người phụ nữ trong gia đình đã được khẳng định. Họ vừa là người trực tiếp tham gia lao động sản xuất, là trụ cột trong các quyết định công việc gia đình và thực hiện thiên chức sinh đẻ duy trì nòi giống, tái sản xuất dân cư....Số liệu các cuộc khảo sát cho thấy: Có sự đồng đều về vị trí và vai trò của người phụ nữ trong gia đình nông thôn ở cả hai vùng đồng bằng Bắc Bộ và Nam Bộ. Tuy nhiên các công việc gia đình, nhất là công việc nội trợ thì người phụ nữ còn khá vất vả. Gần 90% số phụ nữ tự mình đảm đương các công việc này và chỉ hơn 10% có sự giúp đỡ của chồng (xem bảng 2).

Bảng 2: Tính % trung bình quyền quyết định của phụ nữ %

	Số liệu khảo sát Hậu Giang			Số liệu khảo sát Hà Sơn Bình		
	Vợ	Chồng	Cả hai	Vợ	Chồng	Cả hai
1 - Cho con đi đâu	28,8	32,0	38,8	18,8	40,0	47,7
2 - Phụ nữ tiếp xúc với người ngoài	51,0	36,6	12,2	78,8	21,0	
3 - Chi tiêu hàng ngày	83,3	13,3	3,3	94,0	5,5	
4 - Mua đồ nhậu	54,1	41,1	4,1	73,3	26,6	
5 - Chi tiêu lớn	26,6	31,4	38,8	34,4	48,8	16,6
6 - Vay vốn	62,2	25,5	12,2	55,5	24,4	10,0
7 - Quyết định số con trong gia đình	27,7	32,2	40,0	40,0	48,8	10,6
8 - Các phương pháp tránh thai	33,3	21,0	15,0	40,0	50,0	10,0

Bảng 2 cho chúng ta thấy trên các bình diện của cuộc sống người phụ nữ có những vị trí chủ chốt.

Đó là các quyết định cho chi tiêu cuộc sống hàng ngày, những quan hệ giao tiếp. Đặc biệt việc quyết định vay vốn để sản xuất, người phụ nữ có vai trò chủ đạo (ở Bắc Bộ 55,5%, Nam Bộ 62,2% quyền quyết định thuộc về người vợ). Các cuộc khảo sát cũng cho thấy ngày nay sự độc quyền quyết định của người chồng ở một số công việc lớn trong gia đình không còn nữa, mà được thiết lập bằng một quan hệ bình đẳng “Hai vợ chồng cùng bàn bạc”. Việc cho con cái đi đâu? Làm gì? định hướng hay yếu tố hai vợ chồng cùng quyết định chiếm chỉ số cao ở cả Nam Bộ và Bắc Bộ (3,8% ở Hậu Giang; 47,7 ở Hà Sơn Bình).

Vị trí và vai trò người phụ nữ trong gia đình nông thôn đã được minh chứng và khẳng định. Tuy nhiên trong việc sinh đẻ, tiếng nói của người chồng vẫn có trội hơn so với người vợ.

Nếu như việc quyết định số con trong gia đình của người chồng là 32,2% thì vợ là 27,7%. Có sự khá đồng đều ở cả hai vùng nông thôn Bắc Bộ và Nam Bộ. Ở điểm khảo sát Hà Sơn Bình thấy : 48,8% quyền quyết định do chồng và 41,0% do vợ.

Cũng phải thấy rằng, ở đây yếu tố “Hai vợ chồng cùng bàn bạc quyết định” là yếu tố được khẳng định trong gia đình hiện nay. Một số công việc được coi là quan trọng, “Hai vợ chồng cùng bàn bạc” chiếm tỷ lệ cao. Chẳng hạn như vấn đề phát triển sản xuất, việc quyết định tương lai con cái... Đặc biệt việc cùng bàn bạc để quyết định số con trong gia đình, việc áp dụng các biện pháp tránh thai, yếu tố này thấy có sự trội

hơn ở Nam Bộ so với nông thôn Bắc Bộ. Điểm khảo sát Hậu Giang cho thấy: việc quyết định số con trong gia đình 40% có sự bàn bạc vợ chồng (Hà Sơn Bình 10,6%). Việc quyết định áp dụng các biện pháp tránh thai, điểm khảo sát ở Hậu Giang cho thấy 45,0% có sự bàn bạc vợ chồng (ở Hà Sơn Bình là 10,0%). Có phải tính gia trưởng trong quyết định sinh đẻ, vẫn tồn tại mạnh mẽ hơn hẳn trong gia đình nông thôn Bắc Bộ?

Yếu tố “Hai vợ chồng cùng bàn bạc” quyết định áp dụng các biện pháp tránh thai và số con trong gia đình ở Nam Bộ cao hơn Bắc Bộ, cho phép chúng ta hy vọng rằng đây là tiền đề để việc kế hoạch hóa gia đình ở Nam Bộ có nhiều thuận lợi.

Như vậy, ngoài các công việc có tinh chất truyền thống về quyền quyết định của phụ nữ, những phân tích trên cho chúng ta thấy : Trong gia đình ngày nay phụ nữ đã có tiếng nói đáng kể. Người phụ nữ đã được xã hội nâng lên và thực tế họ tự vươn lên địa vị người chủ gia đình, thực hiện sự bình đẳng giữa họ và chồng, con.

Các cuộc khảo sát cũng cho thấy thời gian tự do dùng vào những mục đích nghỉ ngơi, giải trí chưa nhiều thường phần lớn được dành cho lao động tăng thu nhập, 70% số phụ nữ dành thời gian làm thêm nghề phụ tăng thu nhập. Tại một điểm khảo sát ở Hà Sơn Bình xấp xỉ 100% nghề làm bún, thêu thảm, mây tre đan do phụ nữ đảm nhiệm. Các nghề phụ khác như, làm nấm, dệt chiếu (một điểm khảo sát ở Hậu Giang) có sự tham gia của nam giới. Tuy nhiên tỷ lệ phụ nữ tham gia vẫn cao hơn, trong thực tế thu nhập từ nghề phụ của người phụ nữ cũng cao hơn nam giới.

Bảng 3: Thu nhập từ nghề phụ của người phụ nữ so với nam giới

	Hà Sơn Bình		Hậu Giang	
	Nữ	Nam	Nữ	Nam
1 - Buôn bán	90	10		
2 - Làm đậu	60	40		
3 - Làm bún	100	0		
4 - Thảm	100	0		
5 - Thêu ren	100	0		
6 - Nấm			60	40
7 - Chăn nuôi			60	40
8 - Dệt chiếu			70	30

Ngày nay sự tái hiện và xuất hiện các ngành nghề phụ đã cuốn hút đông đảo số phụ nữ tham gia. Có tới 90% số phụ nữ muốn được làm nghề phụ tăng thu nhập.

Cùng với việc lao động đưa về từng hộ, việc phát triển nghề thủ công có liên quan rất mật thiết tới việc gia đình cần phải có số nhân khẩu là bao nhiêu. Tình trạng này tác động rất mạnh tới việc sinh đẻ của người phụ nữ. Số liệu khảo sát gần đây của Viện Xã hội học cho thấy : Chỉ có 14,0% nữ và 15,9% nam giới thừa nhận có hai con là lý tưởng nhưng cũng chỉ có ngần ấy người chấp nhận mục tiêu cuộc vận động gia đình 2 con). Tuyệt đại bộ phận những người được hỏi muốn 3 - 4 con. Ở một xã (Hậu Giang) số liệu 1988 cho thấy gia đình 4 con chiếm 50%, những gia đình 8-10 con không phải

là hiếm. Quan niệm 4 con đã trở thành câu ca được lưu truyền ở đây : “Bốn con mới vừa: Một đứa tiếp mình, một đứa tiếp cha, một đứa trông nhà, một đứa sơ cua”.

Khi hỏi phụ nữ về số con mà chồng họ muốn có thì 84,8% phụ nữ ở một xã Hà Sơn Bình cho biết: Tổng số con mà chồng họ muốn trung bình là 2,89 con (trong đó 1,61 con trai và 1,28 con gái), 92,8% số phụ nữ ở Hậu Giang cho biết tổng số con trung bình mà chồng họ muốn là: 3,51 con (trong đó trai là 1,85 và gái là 1,66). Ở đây chúng tôi đã loại trừ 22,4% số phụ nữ ở hai điểm khảo sát trên không biết và không trả lời, nếu không chắc hẳn số con mong muốn của chồng họ còn cao hơn nhiều.

Dưới sức ép của những quan niệm về chuẩn mực, giá trị xã hội và ý muốn cá nhân, rằng trong gia đình cần phải “có nếp, có tẻ” (có con trai, con gái) nhiều người biết rất rõ nên có bao nhiêu con, nhưng họ vẫn đề vượt mức chỉ vì cần phải “có nếp, có tẻ”, mà nhất thiết là phải có đứa con trai.

Khi hỏi riêng phụ nữ về định hướng giá trị gia đình, chúng tôi chia theo ba nhóm sau:

Nhận định	%					
	Đồng ý		Không đồng ý		Không rõ	
	Hà Sơn Bình	Hậu Giang	Hà Sơn Bình	Hậu Giang	Hà Sơn Bình	Hậu Giang
I - Định hướng tâm lý:						
- Có con trai để nối tông đường	74,4	84,0	25,2	14,0	0,4	2
- Khi có con, nhà chồng nề phụ nữ hơn	84,8	81,6	10,4	12,6	4,8	4,8
II - Định hướng xã hội						
- Nhiều con hơn nhiều của	11,6	9,6	81,2	87,2	7,2	3,2
.....						
III - Định hướng kinh tế						
- Đời sống khá lên làm nhiều người muốn đẻ thêm	17,6	27,6	73,6	64,4	8,8	8,0
.....						

Kết quả điều tra cho thấy: số người vẫn mang quan niệm cũ về con đàn cháu đống “nhiều con hơn nhiều của” đã giảm rõ rệt, điểm khảo sát ở Hậu Giang chỉ có 9,6% phụ nữ ở đây đồng ý với quan niệm trên (ở Hà Sơn Bình chỉ số này là 11,6%). Ngoài ra, nếu đời sống khá lên, thì cũng chỉ có 27,6% phụ nữ (điểm khảo sát Hậu Giang) và 17,6% phụ nữ (điểm khảo sát Hà Sơn Bình) đồng ý đẻ thêm con.

Nhưng điểm nổi lên cơ bản là yếu tố tâm lý còn duy trì mạnh mẽ trong việc phải có con trai. Ở Bắc Bộ tập tục về đứa con trai nối dõi chi phối khá mạnh cư dân nông thôn, quan niệm cũ “Thập nữ viết vô, nhất nam viết hữu” (mười nữ cũng như không, một nam là có) còn duy trì khá dai dẳng. Trong gia đình nông thôn Bắc Bộ vẫn duy trì quyền trưởng nam, quyền thừa kế với những tập tục tôn giáo. Khác đôi chút đối với Bắc Bộ, ở Nam Bộ khi về già cha mẹ không ở với con trai trưởng, mà ở với con út (bất luận là gái hay trai)... Thế nhưng vẫn có tới 84% phụ nữ cho rằng dù thế nào cũng phải đẻ để có con trai - yếu tố tâm lý sự thăng bằng về tình cảm và giới tính con gái đã chi phối họ khá mạnh.

Như vậy, việc sinh con khi chưa thỏa mãn nhu cầu về giới tính đưa con là rất cao. Trong thực tế các cuộc vận động kế hoạch hóa gia đình là gặp không ít khó khăn đối với các đối tượng khi mà chưa thỏa mãn về nhu cầu này.

Những phụ nữ độ tuổi 29 - 30 là đối tượng mà chúng tôi quan tâm trong các cuộc khảo sát. Đây là lớp trẻ, hầu hết có trình độ văn hóa, lại là đối tượng chính của cuộc vận động sinh đẻ kế hoạch. Trong một chừng mực nào đó, lớp người này có những nhận thức tiến bộ hơn so với thế hệ già: 87,8% số phụ nữ (ở Hà Sơn Bình) chấp nhận kế hoạch hóa gia đình mặc dù phải trả tiền (ở Hậu Giang là 76,2%) 66,7% phụ nữ 3 con sẵn sàng chấp nhận kế hoạch hóa gia đình. Những phụ nữ ở lứa tuổi 40 trở lên thường có 5 đến 6 con thì gần 100% chấp nhận kế hoạch hóa gia đình.

Địa vị người phụ nữ được nâng cao không chỉ trong các quyết định đời sống kinh tế gia đình, mà người phụ nữ cũng bình đẳng hơn với chồng trong việc kế hoạch hóa gia đình. Tính gia trưởng trong quyết định sinh đẻ của người chồng đối với phụ nữ cũng mờ dần đi để thay vào đó là những quan hệ bình đẳng. Số liệu khảo sát cho thấy yếu tố mới này có sự đồng đều ở cả Nam Bộ và Bắc Bộ:

Người có trách nhiệm chính trong kế hoạch hóa gia đình	Hậu Giang	Hà Sơn Bình
1 - Chồng	24,3	35,3
2 - Vợ	24,3	26,0
3 - Cả hai	40,9	36,0
4 - Bố mẹ chồng	4,3	1,9
5 - Bố mẹ đẻ	0,7	0
6 - Cả gia đình	0,4	0
7 - Không biết	5,1	0,8

Nếu như trước đây, trong các gia đình truyền thống việc sinh đẻ của người phụ nữ hoàn toàn do chồng và gia đình nhà chồng quyết định, thì nay cùng với sự biến đổi của gia đình người phụ nữ cũng có những vai trò nhất định trong quyết định này. Quyền quyết định của cha mẹ chồng, gia đình nhà chôn có chăng chỉ được xem như là sự quan tâm đến con cái. Điểm khảo sát Hà Sơn Bình cho thấy chỉ có 1,9% quyền quyết định của bố mẹ chồng trong việc sinh đẻ của người phụ nữ (ở Hậu Giang là 4,3%).

Từ những phân tích trên, chúng tôi nhận thấy :

1. Nhu cầu về con là một trong những yếu tố quyết định các khuynh hướng sinh đẻ. Nó quyết định trực tiếp tới số con của mỗi cặp vợ chồng muốn có. Nhu cầu này có sức ỳ rất lớn và tốc độ thay đổi chậm. Sự thay đổi điều kiện sống tác động tới sự thay đổi các tình huống thỏa mãn nhu cầu sinh đẻ, nhưng không ảnh hưởng trực tiếp tới nhu cầu đó. Vì vậy trong bối cảnh nông thôn hiện nay, nếu chỉ nhờ vào tác động tự phát của sự thay đổi điều kiện sống dẫn tới sự thay đổi các nhu cầu về con và số con thực tế trong gia đình là rất khó khăn. Việc sử dụng nhiều biện pháp khác nhau của các cấp quản lý về nhu cầu có con hợp lý của mỗi gia đình đóng vai trò cực kỳ quan trọng.

2. Để chương trình kế hoạch hóa gia đình có thể thu được thắng lợi, việc nâng cao địa vị người phụ nữ gắn liền với hạn chế sinh đẻ, để thực hiện “mỗi gia đình cần có một hoặc hai con” thì việc nâng cao trình độ học vấn cho nhân dân, sự phát triển hơn nữa mạng lưới y tế, cải thiện dân điều sống ở nông thôn sẽ làm cho bất trắc cuộc sống giảm xuống, giá trị của con trai, con gái như nhau, thì đứa con thứ 3, thứ 4 không đặt ra nữa. Và như vậy nhu cầu sinh đẻ nhiều con sẽ có tiền đề giảm.

3. Các kết quả điều tra cho thấy : Bất cứ một cuộc nghiên cứu nào để áp dụng các biện pháp kế hoạch hóa gia đình mà không chú ý tới mức độ thỏa mãn nhu cầu con cái đều khó thu được kết quả. Hầu như số phụ nữ đồng ý hoàn toàn về kế hoạch hóa gia đình, phần đông là những phụ nữ đã thỏa mãn nhu cầu về giới tính con cái. Ngoài ra cũng không thể coi nhẹ yếu tố kinh tế, xã hội tác động đến nó.

4. Nâng cao địa vị người phụ nữ thông qua các hoạt động tăng thu nhập đã có tác động tốt đến sự bình đẳng vợ chồng, đặc biệt là trong việc kế hoạch hóa gia đình. Việc giảm nhu cầu sinh đẻ của người phụ nữ đến đâu, đó là vấn đề cần phải có nhiều nghiên cứu hơn nữa.